

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 618/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nhữ Thị E, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 20 đường N, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đào An T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 20 đường N, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn bà Nhữ Thị E trình bày:

Bà và ông Đào An T tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố T vào năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vì vậy, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 3-2022 mặc dù sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến

cuộc sống của nhau. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đào An T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Đào An K, sinh ngày 30-3-2009 và Đào An P, sinh ngày 09-9-2012. Bà có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay bà đang làm kế toán trưởng của Công ty TNHH P có trụ sở ở số 272 đường T, phường N, thành phố B, với mức thu nhập trung bình khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, bà còn nhận sổ sách của 02 Công ty khác về làm việc tại nhà nên có khoản thu nhập thêm trung bình khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Về thời gian làm việc, bà làm việc theo giờ hành chính, sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ. Bà xác định từ nhỏ đến lớn bà là người chủ yếu chăm nom, chăm sóc 02 con và hiện nay các cháu vẫn sống chung với hai vợ chồng bà. Về chỗ ở hiện nay vợ chồng bà đang làm thủ tục chia tài sản chung là nhà, đất tọa lạc tại số 20 đường N, phường D, thành phố T; sau khi chia xong, bà được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất hơn 50m². Vì vậy, bà xác định có đủ điều kiện tốt nhất để có thể nuôi dưỡng, chăm nom, giáo dục 02 con tốt.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Đào An T trình bày:

Ông xác định về điều kiện kết hôn, cuộc sống chung cũng như những mâu thuẫn của vợ chồng đúng như bà E trình bày. Từ tháng 3-2022 hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà E có 02 con chung tên Đào An K, sinh ngày 30-3-2009 và Đào An P, sinh ngày 09-9-2012. Ông có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi con. Cơ sở để ông yêu cầu nuôi 02 con là vì hiện nay ông làm kỹ sư Điện tự động hóa của Xí nghiệp Xây lắp Khảo sát và Sửa chữa công trình biển V với mức thu nhập trung bình khoảng 26.000.000 đồng/tháng. Về thời gian làm việc, ông làm việc theo giờ hành chính, sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ. Ngoài ra, do tính chất công việc nên khoảng 02 tháng/01 lần ông phải đi công tác ở ngoài biển từ 02 đến 03 tuần. Ông xác định từ nhỏ đến lớn 02 vợ chồng ông cùng chăm sóc các con và hiện nay các cháu vẫn sống chung với hai vợ chồng. Về chỗ ở, sau khi vợ chồng ông chia tài sản chung xong thì ông được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất hơn 50m² tại số 20 đường N, phường D, thành phố T. Sau khi vợ chồng ly hôn xong thì ông đón bố mẹ ông hiện đang sống ở đường K, thành phố T về ở với ông để phụ giúp ông trông nom nhà cửa và chăm sóc các cháu. Vì vậy, ông xác nhận có đủ điều kiện để có thể nuôi dưỡng, chăm nom, giáo dục 02 con tốt.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nhữ Thị E yêu cầu ly hôn với ông Đào An T có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Nhữ Thị E và ông Đào An T tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà E và ông T thì thấy: Theo bà E nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vì vậy, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 3-2022 mặc dù sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Ông T xác định những mâu thuẫn của vợ chồng đúng như bà E trình bày. Từ tháng 3-2022 hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

[2.3]. Theo xác minh tại địa phương bà Nhữ Thị E và ông Đào An T cư trú tại địa chỉ số 20 đường N, phường D, thành phố T từ năm 2017 đến nay. Thời gian gần đây bà E và ông T có xảy ra mâu thuẫn và có xô xát 01 lần, ông T có đánh bà E; Chi hội trưởng hội Phụ nữ, Khu phố trưởng, Tổ trưởng dân phố và Công an khu vực có đến can thiệp, hòa giải. Ông T đi công tác ngoài biển nên hay vắng nhà vì vậy việc đưa đón, chăm sóc, dạy dỗ hai cháu chủ yếu do bà E trực tiếp thực hiện. Hai cháu hiện đang học gần nhà và phát triển tốt về thể chất và tinh thần.

[2.4]. Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà E và ông T là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà E là phù hợp.

[2.5]. Về con chung: Bà Nhữ Thị E và ông Đào An T có 02 con chung tên Đào An K, sinh ngày 30-3-2009 và Đào An P, sinh ngày 09-9-2012. Bà E và ông T đều có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà E và ông T thì thấy:

Hiện nay, bà E và ông T đều có mức thu nhập tương đối cao trên 20.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở, sau khi chia tài sản chung bà E và ông T đều được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 tọa lạc tại số 20 20 đường N, phường D, thành phố T. Như vậy, xét về điều kiện kinh tế và điều kiện chỗ ở thì bà E và ông Tuấn đều có điều kiện tốt như

nhau. Tuy nhiên, để một đứa trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt thì điều kiện kinh tế và chỗ ở là chưa đủ mà cần rất nhiều tình yêu, sự quan tâm, chăm sóc của cả bố lẫn mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy do tính chất công việc nên ngoài thời gian làm việc theo giờ hành chính thì khoảng 02 tháng/01 lần ông Tuấn phải đi công tác ở ngoài biển từ 02 đến 03 tuần nên việc chăm sóc cháu K và cháu P chủ yếu do bà E đảm nhiệm. Tuy nhiên, hiện nay ngoài công việc kế toán trưởng của Công ty TNHH P thì bà E còn nhận thêm việc của 02 Công ty khác về làm tại nhà vì vậy không có nhiều thời gian để có thể chăm sóc các con được. Xét thấy, hiện nay cháu P còn nhỏ và lại cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên xem xét giao cháu P cho bà E trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Xét về thời gian chăm sóc con của ông T, thì thấy: Hiện nay, ông T làm kỹ sư Điện tự động hóa của Xí nghiệp Xây lắp Khảo sát và Sửa chữa công trình biển V Ngoài thời gian làm việc theo giờ hành chính thì khoảng 02 tháng/01 lần ông T phải đi công tác ở ngoài biển từ 02 đến 03 tuần. Xét thấy, về thời gian chăm sóc con thì ông T không có nhiều thời gian bằng bà E tuy nhiên hiện nay cháu K đã lớn có thể tự chăm sóc cho bản thân và lại ông T còn có bố mẹ phụ giúp trong việc chăm sóc con nên xem xét giao cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà E và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà E và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nhữ Thị E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nhữ Thị E đối với ông Đào An T.

1. Về hôn nhân: Bà Nhữ Thị E ly hôn với ông Đào An T.

2. Về con chung: Bà E và ông T có 02 con chung tên Đào An K, sinh ngày 30-3-2009 và Đào An P, sinh ngày 09-9-2012. Bà Nhữ Thị E được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào An P, ông Đào An T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào An K. Bà E, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nhữ Thị E và ông Đào An T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà E và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nhữ Thị E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002649 ngày 17-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- UBND Phường S, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hương